TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Lê Ngô Kim Oanh					
45	Điểu Thị Diễm	7	7	750.000	5.250.000	Ấp 7
	Điểu Đài					
	Điểu Nỳ					
	Điểu Thị Lùng					
	Điểu Thị Mai					
	Điểu Thị Lài					
	Điểu Đạt					
46	Điểu Tùng	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 7
	Thạch Thị Hường					
	Điểu Thị Mỹ Trúc					
	Điểu Sơn					
47	Điểu Dương	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 7
	Thạch Thị Nga					
	Điểu Thị Ngọc Ánh					
	Điểu Thị Ngọc Anh					
	Điểu Duy					
	Nguyễn Thị Hằng					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
48	Trần Thị Ngọc Linh	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 7
	Nguyễn Trần Quang Thọ					
49	Lê Thanh Thiện	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 7
	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt					
	Lê Hoàng Kim Thư					
	Lê Nguyễn Hoàng Khiêm					
	Lê Hoàng Minh Nhật					
50	Võ Văn Chiếu	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 7
	Trần Thị Thu					
	Võ Hoàng Phương					
	Võ Thị Hoàng Dung					
51	Thổ Kim Đang	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 8
	Thổ Thị Kim Ngọc Phương					
	Thổ Thị Kim Tường Vy					
	Thổ Kim Triệu					
	Thổ Kim Triệu Đô					
	Thổ Thường					
	Thị Lé					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
52	Văn Đông	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 8
	Thổ Nhân					
	Thổ Nghĩa					
53	Điểu Hùng	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 8
	Trần Thị Lang					
	Điểu Văn Trí					
	Điểu Thị Kim Nguyên					
	Điểu Văn Vẹn					
	Điểu Văn Toàn					
54	Thổ Long	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 8
	Văn Thị Hằng					
	Thổ Minh Huy					
	Thổ Minh Hiếu					
55	Nguyễn Thị Thùy Dung	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 8
	Hoàng Mai					
	Hoàng Nhật Trường					
	Hoàng Thị Thanh Thúy					
	Nguyễn Thanh Huy					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
56	Nguyễn Thị Xuân	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 8
	Nguyễn Thị Thu Hà					
	Nguyễn Thị Hà Vy					
	Nguyễn Thành Đạt					
57	Võ Bình	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Bầu Cối
	Đặng Thị Vân					
	Võ Văn Lâm					
58	Đào Thị Vũ Phụng	3	1	750.000	750.000	
	Cộng xã:	**209**	**178**	**750.000**	**133.500.000**	
VIII	**Xuân Thọ**					
1	Hồ Thị Khương (CH: Hồ Đăng Hùng)	2	1	750.000	750.000	Thọ Bình
2	Thị Cáo	1	1	750.000	750.000	Thọ Chánh
3	Thổ Cầu	10	10	750.000	7.500.000	Thọ Chánh
	Thị Tuyền					
	Thổ Hòa					
	Thổ Thuận					
	Thổ Thảo					
	Thổ Phúc					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Thổ Lộc					
	Thổ Lộc Quý					
	Thổ Cẳng					
	Thị Hai					
4	Nguyễn Thị Hiên	4	4	750.000	3.000.000	Thọ Chánh
	Nguyễn Thị Ngọc Nga					
	Nguyễn Nhật Đức					
	Nguyễn Diệu Ngọc Hạnh					
5	Nguyễn Thị Hân (CH: Nguyễn Thị Nhiêu)	2	1	750.000	750.000	Thọ Lộc
6	Đinh Thị Liền	3	3	750.000	2.250.000	Thọ Tân
	Nguyễn Ngọc Nhân					
	Nguyễn Thị Yến Nhi					
7	Thị Lệ	1	1	750.000	750.000	Thọ Trung
8	Nguyễn Thọ	1	1	750.000	750.000	Thọ Trung
9	Nguyễn Thị Thanh Tâm	2	2	750.000	1.500.000	Thọ Bình
	Trần Nam Anh					
10	Hà Văn Tài	5	4	750.000	3.000.000	Thọ Bình
	Châu Thị Mộng Nguyên					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Hà Ngọc Ngân					
	Hà Như Ngọc					
11	Phạm Trung Hiếu (CH: Phan Thị Lan)	3	2	750.000	1.500.000	Thọ Lộc
	Phạm Thành Trung					
12	Nguyễn Mạnh Tuấn (CH: Phan Thị Tuyền)	4	3	750.000	2.250.000	Thọ Phước
	Nguyễn Thị Kim Ngân					
	Nguyễn Thị Kim Loan					
13	Bùi Vinh	4	2	750.000	1.500.000	Thọ Phước
	Nguyễn Thị Mười					
14	Nguyễn Văn Đức	5	4	750.000	3.000.000	Thọ Phước
	Phạm Thị Nhung					
	Nguyễn Sơn					
	Nguyễn Thị Bích Trâm					
15	Trần Đức Phi (CH: Hà Thị Vàng)	3	2	750.000	1.500.000	Thọ Phước
	Trần Thị Ngọc Huyền					
16	Văn Đức	3	2	750.000	1.500.000	Thọ Trung
	Thị Mỹ					
	Thị Như Mộng (CH: Thị Chúc)					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
17	Thị Như Mơ	5	4	750.000	3.000.000	Thọ Trung
	Thổ Tiến					
	Thị Như Tiền					
	Cộng xã:	**58**	**47**	**750.000**	**35.250.000**	
IX	**Xuân Phú**					
1	Phạm Lục Minh Thư	4	3	750.000	2.250.000	ấp Bình Hòa
	Phạm Lâm Hoài Thương					
	Phạm Minh Thuận					
2	Đào Thị Là	2	1	750.000	750.000	ấp Bình Hòa
3	Chí Công Sáng	1	1	750.000	750.000	ấp Bình Hòa
4	Nguyễn Văn Quang	2	1	750.000	750.000	ấp Bình Hòa
5	Thị Nhứt	1	1	750.000	750.000	ấp Bình Hòa
6	Thị Hạnh	1	1	750.000	750.000	ấp Bình Hòa
7	Bạch Văn Quế	1	1	750.000	750.000	ấp Bình Hòa
8	Thị Tâm	1	1	750.000	750.000	ấp Bình Hòa
9	Thị Lệ	2	2	750.000	1.500.000	ấp Bình Hòa
	Võ Thị Thanh Trúc					
10	Nguyễn Thị Dầm	1	1	750.000	750.000	ấp Bình Xuân 1

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
11	Thị Bì Thổ Thái	3	2	750.000	1.500.000	ấp Bình Hòa
12	Nguyễn Trần Phi Long Nguyễn Phi Hùng Nguyễn Văn Thành Nguyễn Trần Trúc Ly	5	4	750.000	3.000.000	ấp Bình Hòa
13	Nghiêm Xuân Quynh Dương Thị Nghiên Nghiêm Đoàn Thanh Trúc	3	3	750.000	2.250.000	ấp Bình Hòa
14	Thị Loan Thổ Minh Tài Thổ Minh Tấn Thị Minh Nguyệt Thổ Minh Trí	5	5	750.000	3.750.000	ấp Bình Hòa
15	Lâm Văn Tuấn Trần Bích Liên Lâm Gia Tịnh Lâm Thị Yến Nhi	5	5	750.000	3.750.000	ấp Bình Hòa

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Lâm Thị Yến Linh					
16	Ng Thị Thanh Hương Trần Thanh Tú Trần Thiên Bảo Trần Minh Phúc	4	4	750.000	3.000.000	ấp Bình Tân
17	Lý Mộc Sáng Ma Thị Tịnh Lý Mai Hương Chiều Mỹ Linh Lý Hoàng Gia Lý Hoàng Thái	6	6	750.000	4.500.000	ấp Bình Tiến
	Cộng xã:	**47**	**42**	**750.000**	**31.500.000**	
X	**Xuân Định**					
1	Nguyễn Văn Cộng	1	1	750.000	750.000	Bảo Định
2	Phạm Thị Sửu	1	1	750.000	750.000	Bảo Định
3	Võ Kim Chi Võ Thị Lan	2	2	750.000	1.500.000	Bảo Định
4	Thạch Thị Mười	1	1	750.000	750.000	Nông Doanh

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
5	Nguyễn Thị Hoa	2	1	750.000	750.000	Nông Doanh
6	Lê Thị Liên	1	1	750.000	750.000	Nông Doanh
7	Phạm Thị Kim Liên	1	1	750.000	750.000	Nông Doanh
8	Phạm Thị Tuần	1	1	750.000	750.000	Nông Doanh
9	Trịnh Thị Điềm Lê Đáng	2	2	750.000	1.500.000	Bảo Thị
10	Nguyễn Thị Liên Châu Văn Việt	3	2	750.000	1.500.000	Bảo Thị
11	Nguyễn Văn Nguồn	1	1	750.000	750.000	Nông Doanh
	Cộng xã:	**16**	**14**	**750.000**	**10.500.000**	
XI	**Xuân Hiệp**					
1	Nguyễn Thị Lang	1	1	750.000	750.000	ấp Tam Hiệp
2	Trần Thị Quốc Ánh	1	1	750.000	750.000	ấp Tam Hiệp
3	Nguyễn Thị Thu Hồng	1	1	750.000	750.000	ấp Tam Hiệp
4	Lê Thị An (Nguyễn Văn Sang)	2	1	750.000	750.000	ấp Tân Tiến
5	Nguyễn Thị Sen	1	1	750.000	750.000	ấp Tân Tiến
6	Đặng Thị Vui	1	1	750.000	750.000	ấp Việt Kiều
7	Nguyễn Thị Châm	1	1	750.000	750.000	ấp Việt Kiều

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
8	Phan Văn Tự Phan Văn Cường Nguyễn Bảo Đăng Nguyễn Thị Quỳnh Như	4	4	750.000	3.000.000	Ấp Việt Kiều
9	Nguyễn Văn Em Nguyễn Ngọc Lan Nguyễn Thị Mỹ Duyên	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Việt Kiều
10	Lưu Văn Lòng Nguyễn Thị Bê Lưu Thanh Hậu Lưu Thị Kim Huệ Lưu Thị Thu Cúc	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 16 ấp Việt Kiều
11	Bùi Văn Toan Hà Thị Đang Bùi Văn Thắng Bùi Tiến Lợi Bùi Thị Huệ Bùi Tiến Lộc	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 5, ấp Việt Kiều

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
12	Nguyễn Thành Thái (Nguyễn Thị Cậy) Huỳnh Thị Lắm Nguyễn Huỳnh Thái Tú Nguyễn Thái Tài Nguyễn Huỳnh Anh Thư Nguyễn Huỳnh Thi Nguyễn Trí Thiện Nguyễn Huỳnh Gia Thống	9	8	750.000	6.000.000	Tổ 9 ấp Tam Hiệp
13	Trần Phong Phú (Nguyễn Thị Bé Chín) Trần Nhật Tân Trần Minh Thư	4	3	750.000	2.250.000	ấp Tam Hiệp
14	Nguyễn Thị Hiệp Nguyễn Thị Phấn	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 4 ấp Tân Tiến
15	Nguyễn Hoàng Thum Phạm Thị Hiên Nguyễn Thị Thanh Thúy Nguyễn Hoàng Duy Nguyễn Thị Lan Anh	8	8	750.000	6.000.000	Tổ 11 ấp Tân Tiến

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Nguyễn Thị Kim Anh					
	Nguyễn Duy Quang					
	Nguyễn Thị Hồng Ngọc					
	Cộng xã:	**49**	**46**	**750.000**	**34.500.000**	
XII	**Bảo Hòa**					
1	Nguyễn Thị Vượng	1	1	750.000	750.000	hòa hợp
2	Trương Thị Quỳnh Hoa	3	2	750.000	1.500.000	hòa hợp
	Trương Thị Quỳnh Như					
3	Nguyễn Thi Định	1	1	750.000	750.000	hòa bình
4	Bùi Thị Anh	2	1	750.000	750.000	hòa bình
5	Phạm Huy Hải	3	2	750.000	1.500.000	bưng cần
	Phạm Thị Cẩm Tiên					
6	Huỳnh Thị Kim Luông	3	3	750.000	2.250.000	chiến thắng
	Nguyễn Ngọc Luân					
	Nguyễn Ngọc Tuấn					
7	Huỳnh Ngọc Thanh	4	4	750.000	3.000.000	chiến thắng
	Nguyễn Thị Hồng					
	Huỳnh Ngọc Dũng					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Huỳnh Ngọc Phúc					
8	Hoàng Văn Thành Trương Thị Loan Hoàng Thị Bích Chi Hoàng Phương Châm	4	4	750.000	3.000.000	hòa hợp
9	Lê Hồng Ân	1	1	750.000	750.000	hòa hợp
10	Nguyễn Văn Chinh Hàm Thị Tâm Nguyễn Văn Tuyền Nguyễn Minh Thanh	4	4	750.000	3.000.000	hòa hợp
11	Trần Anh Điện	3	1	750.000	750.000	hòa bình
12	Lê Tấn Dũng Lê Bảo Ân Lê Bảo Hân	4	3	750.000	2.250.000	hòa bình
13	Hoàng Thị Nhường Thái Hoàng Vũ Thái Hoàng Long Thái Hoàng Diễm Phương	7	5	750.000	3.750.000	hòa bình

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Thái Đăng Khoa					
14	Nguyễn Tuấn Anh	2	2	750.000	1.500.000	hòa bình
	Nguyễn Trường Thiên					
15	Nguyễn Văn Xuân	4	3	750.000	2.250.000	bưng cần
	Nguyễn Văn Sang					
	Nguyễn Đức Trọng					
16	Nguyễn Thị Liên	2	2	750.000	1.500.000	bưng cần
	Nguyễn Thị Kim Ngân					
17	Nguyễn Hữu Trung	4	4	750.000	3.000.000	bưng cần
	Đỗ Thị Nhường					
	Nguyễn Hoài Gia Huy					
	Nguyễn Hoài Gia Bảo					
18	Trần Hữu Châu	6	6	750.000	4.500.000	bưng cần
	Nguyễn Thị Anh					
	Trần Hữu Tâm					
	Trần Hữu Gia Huy					
	Trần Hữu Gia Minh					
	Phạm Thị Phương Uyên					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Cộng xã:	**58**	**49**	**750.000**	**36.750.000**	
XIII	**Lang Minh**					
1	Chủ hộ: Phạm Thị Hồng Phạm Minh Hiếu	2	1	750.000	750.000	Ấp Tây Minh
2	Nguyễn Thị Hồng	1	1	750.000	750.000	Ấp Tây Minh
3	NguyễnThị Kim Tuyến	1	1	750.000	750.000	Ấp Tây Minh
4	Lê Thị Bồng	2	1	750.000	750.000	Ấp Tây Minh
5	Chủ hộ: Huỳnh Thị Danh Nguyễn Thị Tường Vy Nguyễn Thành Đạt Nguyễn Trường An	4	3	750.000	2.250.000	Ấp Tân Bình 1
6	Trương Thị Lài Lê Hồng Lê Xuân Phát	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Tân Bình 1
7	Chủ hộ: Nguyễn Thành Lê Thị Ngọc Huyền Nguyễn Thị Ngọc Thanh Nguyễn Ngọc Bình	4	3	750.000	2.250.000	Ấp Tân Bình 2

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
8	Phạm Thị Diệu Thân Trọng Vũ Thân Trọng Hoài Thương	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Tây Minh
	Cộng xã:	**20**	**16**	**750.000**	**12.000.000**	
XIV	**Suối Cao**					
1	Trương Hoài Minh Trương Thị Thanh Tú	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Gia Tỵ
2	Hồ Thị Nuôi (Chủ hộ:Trần văn Tuệ)	2	1	750.000	750.000	Ấp Gia Tỵ
3	Phan Như Phúc	1	1	750.000	750.000	Ấp Gia Tỵ
4	Nguyễn Thị Nga (Chủ hộ: Nguyễn Văn Xanh)	2	1	750.000	750.000	Ấp Gia Tỵ
5	Phạm Văn Minh	1	1	750.000	750.000	Ấp Gia Tỵ
6	Nguyễn Thị Nhung	2	1	750.000	750.000	Ấp Cây Da
7	Đoàn Văn Thạnh	1	1	750.000	750.000	Ấp Cây Da
8	Văn Trình Châu Thị Nết	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Bầu Sình
9	Võ Thị Thu Hoàng Ngọc Thùy Linh Hoàng Hưng Phát	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Bầu Sình

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
10	Đỗ Thị Đông Nguyễn Thị Kiều Oanh Nguyễn Ngọc Xuân Nghi	4	3	750.000	2.250.000	Ấp Gia Lào
11	Hoàng Thị Hương (Chủ hộ: Hoàng Thị Vang)	2	1	750.000	750.000	Ấp Gia Lào
12	Thạch Thị Lý	1	1	750.000	750.000	Ấp Chà Rang
13	Ngô Thị Thành	1	1	750.000	750.000	Ấp Chà Rang
14	Nguyễn Thị Lài Phạm Văn Kiệt	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Chà Rang
15	Hà Huy Lĩnh	1	1	750.000	750.000	Ấp Chà Rang
16	Phạm Thị Bảy	1	1	750.000	750.000	Ấp Chà Rang
17	Đỗ Thị Hải Đặng Bảo Ngọc Đặng Trọng Nghĩa	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Bầu Sình
18	Võ Thị Một Lê Văn Năm	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Chà Rang
19	Phạm Tiến Cường	3	1	750.000	750.000	
	Cộng xã:	**36**	**29**	**750.000**	**21.750.000**	
XV	**Suối Cát**					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
1	Lê Thị Phú	2	1	750.000	750.000	Bình Minh
2	Nguyễn Thị Bé (CH: Trần Thị Sáu)	2	1	750.000	750.000	Tổ 3, ấp Bình Minh
3	Nguyễn Thị Chín	1	1	750.000	750.000	Tổ 24, ấp Suối Cát 1
4	Võ Thị Ngọt	1	1	750.000	750.000	Tổ 24, ấp Suối Cát 1
5	Lê Thị Ngân (CH: Lê Thị Đào)	2	1	750.000	750.000	ấp Bình Minh
6	Nguyễn Văn Hà	1	1	750.000	750.000	Tổ 7, ấp Suối Cát 1
7	Nguyễn Thanh Quang	1	1	750.000	750.000	Tổ 03, ấp Suối Cát 1
8	Lê Thị Niệm	1	1	750.000	750.000	Tổ 22, ấp Suối Cát 1
9	Đoàn Công Ngoan	1	1	750.000	750.000	Tổ 4 ấp Việt Kiều
10	Nguyễn Văn Khang (CH: Lý Ngọc Nụ) Nguyễn Quốc Kiệt Nguyễn Quốc Thương	4	3	750.000	2.250.000	Tổ 5, ấp Bình Minh
11	Từ Thị Phượng (CH: Trương Thị Tân) Đoàn Văn Phước Đoàn Thúy Hằng Đoàn Minh Đức	5	4	750.000	3.000.000	Tổ 10, ấp Bình Minh
12	Nguyễn Thị Liên (CH: Thị Dum)	2	1	750.000	750.000	Tổ 07, ấp Suối Cát 1
13	Ung Thị Hồng (CH: Võ Nam)	3	2	750.000	1.500.000	Tổ 16, ấp Suối Cát 1

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Võ Trần Thủy Tiên					
14	Trần Phương Ngọc	5	5	750.000	3.750.000	Ấp Suối Cát 1
	Trần Kỳ Anh					
	Trần Tiêu Phong					
	Trần Gia An					
	Trần Thị Thiên Phúc					
	Cộng xã:	**31**	**24**	**750.000**	**18.000.000**	
TOÀN HUYỆN: 484 HỘ		**1.497**	**1.309**	**750.000**	**981.750.000**	

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUÂN LỘC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mẫu số: 2

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4 = 2 x 3*	*5*
I	**TT. Gia Ray**					
1	Đỗ Thị So	2	1	750.000	750.000	khu 1
2	Phạm Thị Thanh Phạm Nguyệt Ánh Phạm Quang Vinh	3	3	750.000	2.250.000	khu 1
3	Ngô Thị Lan Ngô Thị Hợp Ngô Phát Hội Nguyễn Phát Hạo	4	4	750.000	3.000.000	khu 1
4	Lê Thị Kim Phụng Võ Hồng Đạt Võ Hồng Tự Lê Thị Ngọc Thúy Võ Thị Minh Thư Võ Thị Minh Thi	6	6	750.000	4.500.000	khu 1
5	Võ Thị Hồng Phương Nguyễn Minh Thắng Nguyễn Thị Kim Ngân Nguyễn Thị Kim Nga	5	5	750.000	3.750.000	khu 1

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Nguyễn Võ Đăng Khôi					
6	Nguyễn Thị Kim Tham Nguyễn Thành Lâm Nguyễn Thành Phát	3	3	750.000	2.250.000	khu 2
7	Đặng Thị Ngân	1	1	750.000	750.000	khu 2
8	Trịnh Hoài Ân Trịnh Thành Dũng Trịnh Thành Dũng Em	3	3	750.000	2.250.000	khu 2
9	Trần Văn Hào Nguyễn Thị Xuân Trần Thị Xuân Vân Trần Nguyễn Duy Hưởng	4	4	750.000	3.000.000	khu 4
10	Nguyễn Thị Thúy (Nguyễn Văn Hải) Nguyễn Thị Ngọc Lý Nguyễn Thị Hồng Lam Vân	4	3	750.000	2.250.000	khu 4
11	Nguyễn Thị Nhớ Nguyễn Văn Đức	3	2	750.000	1.500.000	khu 4
12	Huỳnh tâm Châu Thị Đào Huỳnh Thị Mai Huỳnh Thị Tài Linh Huỳnh Thị Cẩm Ly Trương Khả Hân Trương Anh Khôi	7	7	750.000	5.250.000	khu 4
13	Lê Phát Tài Lê Thái Nguyên Anh Lê Thái Kim Ngân Lê Thành Lộc Nguyễn Thị Khuyên	5	5	750.000	3.750.000	khu 4

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
14	Nguyễn Văn Minh Nguyễn Thị Ngọc Bảo Nguyễn Nam Khang Nguyễn Bình Ngọc Thuận Nguyễn Bình Ngọc Thảo	5	5	750.000	3.750.000	khu 4
15	Vũ Hoàng Thanh Xuân (Trần Quang Phước) Trần Ngô Hoàng Long	3	2	750.000	1.500.000	khu 4
16	Nguyễn Thị Vi Đỗ Ngọc Phi Đỗ Thị Ngọc Phụng	3	3	750.000	2.250.000	khu 4
17	Huỳnh Thị Rết Đoàn Thế Tài Châu Thị Diệu Đoàn Châu Trí Vỹ Đoàn Châu Khánh Bằng Nguyễn Đoàn Minh Thư Nguyễn Đoàn Minh Cường	7	7	750.000	5.250.000	khu 5
18	Mai Văn Khoai Mai Chí Hiếu	2	2	750.000	1.500.000	khu 5
19	Bùi Thị Kim Thảo Đỗ Viết Bình Đỗ Anh Pháp Đỗ Đoàn Như Ý Đỗ Đức Anh	5	5	750.000	3.750.000	khu 5
20	Trương Thị Khai Hứa Minh Hoàng Châu Mỹ Hoa	3	3	750.000	2.250.000	khu 5
21	Lê Thị Vin (Phạm Viết Văn) Phạm Trà My	3	2	750.000	1.500.000	khu 5

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
22	An Thị Bông Nguyễn Thị Kim Dung Nguyễn Quang Hòa	3	3	750.000	2.250.000	khu 6
23	Trần Thị Duyên Nguyễn Văn Đoạn Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Trần Thị Oanh Yến Nguyễn Thị Thu Hiền Nguyễn Trần Tuệ Dung	6	6	750.000	4.500.000	khu 6
24	Trần Hoàng Oanh Trương Hoàng Hồng Nhung Trương Thiện Tín Trương Hoàng Hồng Hạnh Trương Đức Dũng Trương Đức Nghĩa	6	6	750.000	4.500.000	khu 8
25	Nguyễn Võ Thu Sa (Võ Thụy Sang) Nguyễn Nguyễn Nhật Tân	3	2	750.000	1.500.000	khu 8
26	Nguyễn Thị Minh Lý Trần Nguyễn Như Quỳnh Trần Nguyễn Phi Long	3	3	750.000	2.250.000	khu 8
27	Thị Mai Trần Thị Thanh Tuyền Trần Tân Anh Thông	3	3	750.000	2.250.000	khu 8
28	Trần Trung Diện Nguyễn Thị Luận Trần Anh Dũng Trần Tấn Duy Trần Thị Phương Thảo	5	5	750.000	3.750.000	khu 8
	Phạm Đức Đường					

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
29	Huỳnh Thị Xuân	3	3	750.000	2.250.000đ	khu 4
	Phạm Minh Tuấn					
30	Trần Nhật Quang	6	6	750.000	4.500.000	khu 4
	Võ Thị Thành					
	Trần Thị Quỳnh Anh					
	Trần Quang Việt					
	Trần Thị Quỳnh Hoa					
	Trần Tiến Dũng					
31	Nguyễn Thị Êm	2	1	750.000	750.000	khu 5
	Cộng thị trấn:	**121**	**114**	**750.000**	**85.500.000**	
II	**Xuân Hòa**					
1	Nguyễn Đăng Đủ	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hòa
	Nguyễn Thị Huế					
	Nguyễn Đăng Hiếu					
	Nguyễn Thị Phương Thảo					
2	Bùi Thị Thoại	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 1, Xuân Hòa
	Huỳnh Văn Dũng					
	Huỳnh Thanh Tuấn					
	Huỳnh Văn Tú					
	Huỳnh Gia Bảo					
3	Bùi Quang Lộc	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 1, Xuân Hòa
	Nguyễn Thị Cần					
	Bùi Thanh Loan					
4	Đoàn Nguyên	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hòa
	Đỗ Thị Liêu					
	Đoàn Văn Châu					
	Đoàn Quang Bảo					
5	Võ Quốc Hoàng	5	3	750.000	2.250.000	Ấp 1, Xuân Hòa
	Nguyễn Thị Thiêm					

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Võ Thị Thu Hiền					
6	Lâm Thị Dung Đoàn Lâm Minh Thái Đoàn Lâm Thế Việt Đoàn Lâm Anh Thư	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hòa
7	Phạm Thị Bẻo Lại Văn Lăng Lại Văn Mẹo Lại Minh Nhật	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hòa
8	Trần Thị Đình Lê Ngọc Hưng Lê Đức Hoàng Lê Thị Hoan Lê Thị Mây	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 1, Xuân Hòa
9	Bùi Quang Tiến Bùi Quang Thành Bùi Quang Tuấn	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 1, Xuân Hòa
10	Nguyễn Văn Trí Đinh Thị Thảo Nguyễn Thị Ngọc Lan Nguyễn Minh Nhật Nguyễn Thị Thùy Linh	6	5	750.000	3.750.000	Ấp 1, Xuân Hòa
11	Đoàn Quang Hai Phạm Thị Nở Đoàn Quang Mỹ Linh Đoàn Quang Giang Linh Đoàn Quang Khánh Linh Đoàn Quang Thanh Thảo	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 1, Xuân Hòa
12	Nguyễn Huy Bình	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
12	Nguyễn Tiến Đạt					
13	Thị Loan Thị Hương	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa
14	Thạch Thị Chanh Phạm Thị Phượng Phạm Hên Phạm Đình Hiếu	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 2, Xuân Hòa
15	Nguyễn Văn Hùng Nguyễn Thị Ánh Thi	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa
16	Huỳnh Thị Nhỏ Phạm Chí Linh Phạm Thị Diệu Linh Phạm Thị Ngọc Linh Phạm Tấn Tài Sa Phi Lan Sa Phi Na Sa Phi Đa Phạm Chí Khang Phạm Chí Kha	10	10	750.000	7.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa
17	Nguyễn Văn Tiền	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
18	Đoàn Thị Trang Đặng Thị Hiếu	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa
19	Dương Thị Hoàng	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
20	Nguyễn Thị Bình Bùi Thái Triều	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa
21	Lê Thị Thanh Lê Ngọc Nhi Lê Quốc Thái Lê Quốc Bình	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 2, Xuân Hòa

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
22	Phạm Văn Trọng Phạm Thị Hường Phạm Thị Thúy Vân Phạm Thị Hồng Nhung Phạm Hồ Bảo Thi Phạm Thị Thanh Trúc Phạm Hồ Bảo An	7	7	750.000	5.250.000	Ấp 2, Xuân Hòa
23	Lê Đức Hưng Hồ Thị Sáu Lê Trọng Hải Lê Trọng Hiếu	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 2, Xuân Hòa
24	Lê Văn Hạnh Hồng Thị Tuyết Nhung Lê Thị Thùy Linh Lê Thị Thùy Dung Lê Văn Sang Lê Văn Hậu Lê Thành Đức Lê Hoàng Đức	8	8	750.000	6.000.000	Ấp 2, Xuân Hòa
25	Chu Viết Thuật Đinh Thị Hằng Chu Đinh Quang Thịnh Chu Văn Viết Toàn Chu Viết Tâm	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
26	Nguyễn Thị Lan Nguyễn Văn Linh Chu Thị Lệnh Nguyễn Đăng Hoài Nam Nguyễn Thị Bích Trân	7	7	750.000	5.250.000	Ấp 2, Xuân Hòa

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Nguyễn Thị Bích Trâm					
	Nguyễn Thị Bích Trầm					
27	Nguyễn Quốc Hải	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Nguyễn Thị Thanh Loan					
	Nguyễn Trung Hiếu					
28	Nguyễn Mạnh Nhường	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Nguyễn Văn Hoàng					
	Hoàng Thị Hoa					
	Nguyễn Hoàng Nhật Khang					
	Nguyễn Hoàng Nhật Khanh					
29	Tô Thị Bánh	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Lê Thị Kiều Trang					
30	Lộc Văn Phòng	7	7	750.000	5.250.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Chu Thị Mậu					
	Lộc Thoại Vũ					
	Lộc Hồng Phước					
	Trần Thị Lệ Thủy					
	Lộc Trần Ngọc Diễm					
	Lộc Khánh Duy					
31	Nguyễn Thị Mai	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 3, Xuân Hòa
	Hồ Thị Huỳnh Trâm					
	Hồ Nguyễn Quỳnh Anh					
32	Lâm Thị Sâm	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hòa
	Lâm Thị Mỹ Nhàn					
33	Đoàn Thị Ngọc Nga	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 3, Xuân Hòa
	Phạm Ngọc Tiến					
	Phạm Ngọc Sang					
	Phạm Ngọc Qúy					
	Phạm Ngọc Phú					

A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
34	Sô Sy Ngọc Đỗ Thị Ngọc Trinh Đỗ Thị Minh Thư	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 3, Xuân Hòa
35	Nguyễn Thành Long Nguyễn Thị Cẩm Tiên Nguyễn Thị Hồng Nhung	4	3	750.000	2.250.000	Ấp 3, Xuân Hòa
36	Lý Thị Cẩm Thổ Dần Thổ Thanh Thổ Tài	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 3, Xuân Hòa
37	Lý Thị Kiển Nguyễn Văn Tiên Nguyễn Thị Kim Anh Lê Nguyễn Kim Ly	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 3, Xuân Hòa
38	Trần thị Hằng Trần Minh Hiếu	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hòa
39	Trần Văn Rê Nguyễn Thị Mao Trần Thái Út Trần Thị Thùy Linh Trần Bích Phương Trần Thị Bích Tuyền	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 3, Xuân Hòa
40	Lê Thị Ba Trần Thị Kiều Diễm Trần Kim Tuyền Trần Thị Diễm Hằng	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 3, Xuân Hòa
41	Đào Thị Lan	1	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hòa
42	Nguyễn Thị Trinh	1	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hòa
	Nguyễn Thị Thùy					